

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TIÊU CHÍ HUYỆN
ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

ĐẾN Số: 3477
Ngày: 1/9/2017
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Chuyển:
Lưu hồ sơ số:
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 170/TTr-SNN&PTNT ngày 15/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020 (đính kèm hướng dẫn).

Điều 2. Quyết định này là cơ sở để các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan áp dụng trong việc hướng dẫn, đánh giá, công nhận đạt từng tiêu chí huyện nông thôn mới.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Văn phòng ĐPN TM TW;
- TT TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Như điều 4;
- Văn phòng ĐPN TM tỉnh;
- Huyện, Thị và Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng: KTN, KTTH, TH, KGVX, NC;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Quang Thi

HƯỚNG DẪN

Thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 24/8/2017
của UBND tỉnh An Giang).

Huyện đạt chuẩn nông thôn mới khi có 100% số xã trong huyện đạt chuẩn xã nông thôn mới và hoàn thành các tiêu chí về huyện nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

I. Tiêu chí 1 về Quy hoạch:

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về quy hoạch khi đáp ứng yêu cầu:

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và được công bố công khai.

- Có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

- Có đầy đủ các loại hồ sơ theo quy tại Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, cụ thể như sau:

1. Đối với hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng:

- Bản vẽ bao gồm: Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng; bản đồ ranh giới và phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch xây dựng vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng:

- Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

2. Đối với hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng:

- Thành phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của vùng, mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có ảnh hưởng tới vùng quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

+ Các sơ đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên; hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/100.000 hoặc 1/250.000 đối với vùng liên tỉnh và tỷ lệ 1/25.000 hoặc 1/50.000 đối với các vùng khác.

+ Các sơ đồ về phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng: Xác định các vùng phát triển, bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng cấm phát triển; tổ

chức hệ thống các đô thị, hệ thống trung tâm cấp huyện gắn với phát triển đô thị, các khu vực dân cư nông thôn; phân bố, xác định quy mô các không gian phát triển công nghiệp, nông nghiệp phù hợp với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, lâm nghiệp; các khu sản xuất phi nông nghiệp, các vùng nghỉ ngơi du lịch, khai thác, bảo vệ thiên nhiên, tôn tạo, các vùng di tích lịch sử văn hóa và các chức năng khác, hệ thống hạ tầng xã hội, mục tiêu và giải pháp công trình bảo vệ môi trường, phân bố cơ sở kinh tế - kỹ thuật cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/100.000 hoặc 1/250.000 đối với vùng liên tỉnh và tỷ lệ 1/25.000 hoặc 1/50.000 đối với các vùng khác.

+ Các sơ đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật cấp vùng: Giao thông, cao độ nền, thoát nước mặt, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, quản lý chất thải, thủy lợi và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/100.000 hoặc 1/250.000 đối với vùng liên tỉnh và tỷ lệ 1/25.000 hoặc 1/50.000 đối với các vùng khác.

+ Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Thuyết minh đồ án quy hoạch xây dựng vùng.

- Quy định quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng.

- Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

- Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm các văn bản pháp lý liên quan.

II. Tiêu chí 2 về Giao thông:

1. Cách xác định:

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về giao thông khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đường bộ:

- Có 100% số xã trong huyện đạt chuẩn tiêu chí 2 về Giao thông theo quy định của Quyết định số 3379/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh ban hành bộ tiêu chí xã Nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020.

- Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100%.

- Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005 hoặc cấp A được quy định tại Quyết định 4927/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

- Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

b) Đường thủy (nếu có): Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu

thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

c) **Vận tải:** Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) tối thiểu đạt loại 4, có diện tích mặt bằng (tối thiểu) 2.500 m² được qui định chi tiết tại Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi lần 1 năm 2015; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

2. Về quy mô kỹ thuật

a) **Đường bộ:** Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải.

Chức năng của đường: Đường huyện là đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện, là cầu nối chuyển tiếp hàng hóa, hành khách từ hệ thống đường quốc gia (quốc lộ, tỉnh lộ) đến trung tâm hành chính của huyện, của xã và các khu chế xuất của huyện; phục vụ sự đi lại và lưu thông hàng hóa trong phạm vi của huyện.

Yêu cầu về cấp đường: Đường huyện áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật đường cấp IV, V, VI và cấp A được quy định tại Quyết định 4927/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải.

Cấp Kỹ thuật theo TCVN 4054:2005:

- Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của Đường cấp IV:

Thông số kỹ thuật chủ yếu	Tiêu chuẩn kỹ thuật của đường cấp IV
Kích thước hình học: - Chiều rộng mặt đường - Chiều rộng lề đường - Chiều rộng nền đường	7,0 m 1,0 m x 2 9,0m
Kết cấu mặt đường	- Đảm bảo theo TCVN 4054:2005
Tải trọng khai thác	- Lưu lượng xe thiết kế (Nn) ≥ 200 xqđ/nd - Xe có tải trọng trục từ lớn hơn 6.000 kg đến 10.000 kg chiếm trên 10% tổng số xe lưu thông trên tuyến. - Đảm bảo theo TCVN 4054:2005

- Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của Đường cấp V:

Thông số kỹ thuật chủ yếu	Tiêu chuẩn kỹ thuật của đường cấp V
Kích thước hình học: - Chiều rộng mặt đường - Chiều rộng lề đường - Chiều rộng nền đường	5,5 m 1,0 m x 2 7,5m
Kết cấu mặt đường	- Đảm bảo theo TCVN 4054:2005
Tải trọng khai thác	- Lưu lượng xe thiết kế (Nn) ≥ 200 xqđ/nđ - Xe có tải trọng trục từ lớn hơn 6.000 kg đến 10.000 kg chiếm trên 10% tổng số xe lưu thông trên tuyến. - Đảm bảo theo TCVN 4054:2005.

- Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của Đường cấp VI:

Thông số kỹ thuật chủ yếu	Tiêu chuẩn kỹ thuật của đường cấp VI
Kích thước hình học: - Chiều rộng mặt đường - Chiều rộng lề đường - Chiều rộng nền đường	3,5 m 1,5 m x 2 6,5m
Kết cấu mặt đường	- Đảm bảo theo TCVN 4054:2005
Tải trọng khai thác	- Lưu lượng xe thiết kế (Nn) ≥ 200 xqđ/nđ - Xe có tải trọng trục từ lớn hơn 6000 kg đến 10000 kg chiếm trên 10% tổng số xe lưu thông trên tuyến. - Đảm bảo theo TCVN 4054:2005

Cấp kỹ thuật theo TCVN 10380:2014:

- Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của Đường cấp A:

Thông số kỹ thuật chủ yếu	Tiêu chuẩn kỹ thuật của đường cấp A
Kích thước hình học: - Chiều rộng mặt đường - Chiều rộng lề đường - Chiều rộng nền đường	3,5 m 1,5 m x 2 6,5m
Kết cấu mặt đường	- Mặt đường đá dăm láng nhựa chiều dày tối thiểu 15 cm. - Mặt đường bê tông xi măng chiều dày tối thiểu 18 ÷ 20 cm.
Tải trọng khai thác	Tải trọng trục tiêu chuẩn để thiết kế công trình trên đường là 6 tấn/trục

b) Đường thủy (nếu có): Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

c) Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) tối thiểu đạt loại 4 có diện tích mặt bằng (tối thiểu) 2.500 m² được quy định tại Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi lần 1 năm 2015; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

III. Tiêu chí 3 về Thủy lợi:

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về thủy lợi khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững:

+ Được thành lập theo quy định hiện hành;

+ Quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý;

+ Thực hiện Phương án bảo vệ công trình thủy lợi được duyệt.

IV. Tiêu chí 4 về Điện:

Huyện đạt tiêu chí về điện khi đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 5313/QĐ-BCT ngày 20/12/2016 của Bộ Công Thương như sau:

1. Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp (hệ thống điện) đầu tư liên xã đạt các điều kiện sau:

- Đảm bảo “đạt” thông số kỹ thuật, an toàn điện theo tiêu chí 4.1 tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương về phương pháp đánh giá thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ Tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối (về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ) liên xã theo các thông số quy định tại Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương quy định về hệ thống lưới điện phân phối.

2. Hệ thống điện đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh sau năm 2016, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2016 - 2020.

3. 100% xã trong huyện đạt tiêu chí 4 về điện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương.

V. Tiêu chí 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục:

1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.

Huyện đạt chuẩn về y tế khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3 theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.

- Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Y tế.

- 100% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

Huyện đạt tiêu chí Văn hóa khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) **Về tên gọi:** Trung tâm Văn hóa - Thể thao + tên huyện, thị xã, thành phố.

b) Về diện tích:

- Diện tích đất được quy hoạch (không kể diện tích của các công trình thể dục, thể thao trong nhà và ngoài trời): tối thiểu 5.000 m².

- Diện tích hoạt động trong nhà:

+ Văn phòng: Tối thiểu 250 m².

+ Phục vụ hoạt động chuyên môn: Tối thiểu 1.000 m².

- Diện tích hoạt động ngoài trời: Tối thiểu 3.300 m².

c) Quy mô xây dựng:

- Hội trường: Tối thiểu 350 chỗ ngồi.

- Phòng làm việc của lãnh đạo tối thiểu 10 m².

- Diện tích phòng làm việc của bộ phận chuyên môn:

+ Tối thiểu 20 m² đối với các phòng Hành chính-Tổng hợp, Văn hóa văn nghệ, Thể dục thể thao.

+ Tối thiểu 30 m² đối với phòng Đội Tuyên truyền lưu động.

- Công trình thể dục, thể thao phải đảm bảo có ít nhất 02 trong số các công trình sau: Sân vận động; bể bơi; nhà tập luyện thể thao.

- Công trình phụ trợ:

+ Sân khấu phục vụ tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trong nhà: tối thiểu 12m x 8m.

+ Khu triển lãm, biểu diễn ngoài trời: Tối thiểu 500 m².

+ Khu dịch vụ, vui chơi giải trí, vườn hoa: Tối thiểu 800 m².

Các yêu cầu khác về trang thiết bị, tổ chức và biên chế, quy chế hoạt động thực hiện theo quy định Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 và Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn.

Huyện đạt chuẩn Tiêu chí về Giáo dục khi đáp ứng các yêu cầu sau:

Có từ 60% số trường trung học phổ thông trên địa bàn huyện được công nhận đạt chuẩn quốc gia theo Quy định tại Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia.

Trong đó:

- Trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện bao gồm trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp học Trung học phổ thông.

- Trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia là trường trung học phổ thông đã được đoàn kiểm tra của tỉnh kiểm tra và công nhận đạt cả 05 tiêu chuẩn quy định tại Thông tư 47/2012/TT-BGDĐT, gồm:

+ Tiêu chuẩn 1 - Tổ chức và quản lý nhà trường;

+ Tiêu chuẩn 2 - Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

+ Tiêu chuẩn 3 - Chất lượng giáo dục;

+ Tiêu chuẩn 4 - Tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học;

+ Tiêu chuẩn 5 - Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia trên tổng số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện.

VI. Tiêu chí 6 về Sản xuất:

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về sản xuất khi đáp ứng 1 trong 2 yêu cầu sau:

1. Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, đảm bảo:

a) Có quy mô đất đai, mặt nước lớn, liên xã theo quy hoạch sản xuất ngành nông nghiệp tỉnh;

b) Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển bền vững theo khuyến cáo ngành nông nghiệp tại thời điểm;

c) Các khâu sản xuất trồng trọt (làm đất, tưới tiêu, thu hoạch, vận chuyển) cơ bản được cơ giới hóa, đạt tỷ lệ từ 75%; các khâu sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được cơ giới hóa theo quy định của tỉnh tại thời điểm.

2. Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch. Mô hình liên kết thực hiện theo một trong hai hình thức sau:

a) Có hợp đồng thu mua sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân với doanh nghiệp, thời gian thực hiện hợp đồng ổn định từ 02 năm trở lên.

b) Có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên cơ sở hợp đồng liên kết cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất của nông dân và cung ứng các yếu tố đầu vào, vốn, kỹ thuật để đạt được sản lượng, chất lượng nông sản theo yêu cầu của doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông nghiệp cho nông dân.

VII. Tiêu chí 7 về Môi trường:

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về môi trường khi đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn khi:

a) Có đề án hoặc kế hoạch hoặc phương án quản lý (giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý) chất thải rắn trên địa bàn huyện được phê duyệt và triển khai thực hiện, bao gồm các hạng mục công trình, biện pháp, nhân lực, trang thiết bị, phương tiện đảm bảo yêu cầu:

- Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý đúng quy định đối với toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp và sinh hoạt thông thường phát sinh trên địa bàn nếu không tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý tại chỗ bằng phương pháp chế biến phân hữu cơ (composting);

- Phân loại, phân định, thu gom riêng, cách ly phù hợp trong quá trình vận chuyển và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại đối với toàn bộ các loại chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn;

- Thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng phát sinh trên địa bàn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

- Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 quy định về quản lý chất thải y tế.

b) Khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện (nếu có) phải có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định tại phần a, mục 2 của Tiêu chí 7 và phải đảm bảo:

- Bãi chôn lấp chất thải rắn (nếu có) phải tuân thủ tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam về bãi chôn lấp chất thải rắn (TCXDVN 261:2001); nước thải từ bãi chôn lấp phải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải bãi chôn lấp (QCVN 25:2009/BTNMT);

- Lò đốt chất thải rắn công nghiệp (nếu có) phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn công nghiệp (QCVN 30:2012/BTNMT);

- Lò đốt chất thải rắn y tế (nếu có) phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế (QCVN 02:2012/BTNMT), không sử dụng để đốt chất thải rắn công nghiệp và sinh hoạt;

- Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt (nếu có) phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt (QCVN 61-MT:2016/BTNMT), không sử dụng để đốt chất thải rắn công nghiệp và y tế.

2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường khi:

a) Có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường, bao gồm:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết, hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản, hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường, hoặc hồ sơ tương đương theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đối với các cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục I của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, nếu chưa có các hồ sơ nêu trên phải lập báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường;

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, Giấy phép khai thác, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định (nếu có);

- Phương án bảo vệ môi trường đối với các đối tượng theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

b) Có công trình, biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế, thu hồi hoặc xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) đúng quy định; thực hiện đầy đủ và đúng các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết trong các hồ sơ nêu trên.

c) Cơ sở nuôi trồng thủy sản ngoài các yêu cầu tại mục a và b, phần 2 của Tiêu chí 7 này, phải tuân thủ quy hoạch nuôi trồng thủy sản của địa phương và các quy định về bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản tại Điều 71 Luật Bảo vệ môi trường.

d) Cơ sở chăn nuôi, khu chăn nuôi tập trung ngoài các yêu cầu tại mục a và b, phần 2 của Tiêu chí 7 này, phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi theo quy định tại Luật Thú y, Điều 69 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 11 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

đ) Làng nghề trên địa bàn, cơ sở sản xuất tại làng nghề phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định tại Điều 70 Luật Bảo vệ môi trường, Chương IV Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Chương III Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

e) Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, Ban quản lý khu kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn, cơ sở trong cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung (trừ cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở chăn nuôi, khu chăn nuôi tập trung) phải có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định tại mục a, phần 2 của Tiêu chí 7 này; đồng thời, phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định tại Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

Cơ sở nuôi trồng thủy sản; cơ sở chăn nuôi, khu chăn nuôi tập trung trong cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung phải thực hiện theo quy định tại mục c hoặc mục d, phần 2 của Tiêu chí 7 này; đồng thời, phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định tại Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

g) Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp (trừ cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở chăn nuôi, khu chăn nuôi tập trung) phải có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định tại mục a, phần 2 của Tiêu chí 7 này; đồng thời, phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường khu công nghiệp theo quy định tại Điều 66 Luật Bảo vệ môi trường và Chương III, Chương IV Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Cơ sở nuôi trồng thủy sản; cơ sở chăn nuôi, khu chăn nuôi tập trung trong khu công nghiệp phải thực hiện theo quy định tại mục c hoặc mục d, phần 2 của Tiêu chí 7 này; đồng thời, phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường khu công nghiệp theo quy định tại Điều 66 Luật Bảo vệ môi trường và

Chương III, Chương IV Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

VIII. Tiêu chí 8 về An ninh, trật tự xã hội.

Huyện đạt tiêu chí về “An ninh, trật tự xã hội” khi đáp ứng đủ các nội dung sau:

- Hằng năm Huyện ủy có Nghị quyết, UBND huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật;

- Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế giảm so với năm trước;

- Lực lượng vũ trang huyện (Công an, Bộ đội địa phương; Dân quân tự vệ) hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

Thời gian xét, đánh giá huyện đạt tiêu chí “An ninh, trật tự xã hội” được tính là trước thời điểm đề nghị xét, công nhận từ 12 tháng trở lên.

IX. Tiêu chí 9 về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về chỉ đạo xây dựng nông thôn mới khi đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định khi đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Có Quyết định thành lập, kiện toàn tổ chức Ban Chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

b) Có Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Ban Chỉ đạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên phạm vi địa bàn huyện đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định;

d) Chỉ đạo việc ban hành cơ chế hỗ trợ thúc đẩy các xã xây dựng nông thôn mới và chỉ đạo thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

đ) Chỉ đạo không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản và không huy động quá khả năng đóng góp tự nguyện của dân trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện;

e) Chỉ đạo các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới.

2. Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện (gọi tắt là Văn phòng nông thôn mới huyện) được tổ chức và hoạt động đúng quy định khi đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Có Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Văn phòng nông thôn mới huyện của cấp có thẩm quyền;

b) Có Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Văn phòng nông thôn mới huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đảm bảo thực hiện hoàn thành đúng, đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp./đ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Quang Thi